

Phân tích luồng thương mại liên quốc gia dựa trên mô hình I/O giữa Việt Nam - EU - Trung Quốc và Hoa Kỳ

BÙI TRINH*
NGUYỄN QUANG THÁI**

Tóm tắt

Cán cân thương mại về hàng hóa của Việt Nam những năm gần đây có thặng dư sau nhiều năm thâm hụt trước đó. Nhiều ý kiến gọi đó là thành tích, nhưng để hiểu sâu sắc hơn vấn đề này, nghiên cứu cố gắng ước lượng luồng thương mại giữa 4 khu vực thị trường gồm Việt Nam, Liên minh châu Âu (EU), Trung Quốc, Hoa Kỳ dựa trên mô hình cân đối liên ngành (I/O) liên quốc gia.

Từ khóa: I/O, liên quốc gia, nhập khẩu, nhu cầu cuối cùng, sản phẩm cuối cùng, xuất khẩu

Summary

After many years of trade deficit, Vietnam's goods trade balance has witnessed a surplus in recent years. Many people consider it as an achievement, but in order to understand this issue more deeply, the study tries to estimate the trade flow between four markets including Vietnam, the European Union (EU), China, and the United States based on inter-country input-output (I/O) table.

Keywords: I/O, inter-country, import, final demand, final product, export

GIỚI THIỆU

Với tư duy hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại đa phương và song phương với các quốc gia trên toàn cầu. Số liệu về xuất - nhập khẩu hàng hóa (xem Hình 1) cho thấy, Việt Nam có thặng dư thương mại với Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản, còn trong mối quan hệ với Trung Quốc và Hàn Quốc, cán cân thương mại là âm và xu thế âm ngày càng lớn. Nếu năm 2010 Việt Nam nhập siêu từ Trung Quốc 12,5 tỷ USD, thì đến năm 2019 nhập siêu từ Trung Quốc là 34 tỷ USD. Với Hàn Quốc, năm 2010 thâm hụt thương mại là 6,6 tỷ USD thì năm 2019 thâm hụt thương mại lên tới 27,3 tỷ USD.

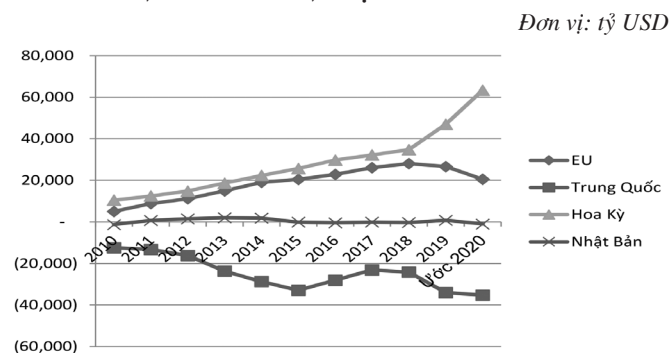
Ở chiều ngược lại, thặng dư thương mại giữa Việt Nam với Hoa Kỳ năm 2010 là 10,5 tỷ USD, đến năm 2019 là 47 tỷ USD và năm 2020 là 63,1 tỷ USD. Thặng dư thương mại với EU từ mức 5 tỷ USD năm 2010 lên 26,6 tỷ USD năm 2019 và giảm đôi chút trong năm 2020... Các số liệu thống kê cho thấy, thặng dư thương mại

giữa Việt Nam và Hoa Kỳ tương đương con số thâm hụt thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc + Hàn Quốc.

Các mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ và EU cơ bản là sản phẩm gia công (điện thoại và linh kiện chiếm khoảng 15% trong tổng xuất khẩu hàng hóa vào Hoa Kỳ) và sản phẩm cho tiêu dùng cuối cùng (như dệt may, giấy da, chiếm 35% tổng xuất khẩu hàng hóa vào Hoa Kỳ).

Một cách trực quan có thể thấy, xuất khẩu những sản phẩm này không lan tỏa nhiều đến sản xuất và giá trị tăng thêm của Việt Nam mà lan tỏa đến sản xuất và giá trị gia tăng của những nước mà Việt Nam

HÌNH 1: XUẤT KHẨU THUẦN CỦA VIỆT NAM VỚI EU, TRUNG QUỐC, NHẬT BẢN VÀ HÀN QUỐC



Nguồn: Tổng cục Thống kê

* TS., ** GS, TS., Viện Nghiên cứu Phát triển Việt Nam

Ngày nhận bài: 16/5/2021; Ngày phân biện: 15/7/2021; Ngày duyệt đăng: 20/7/2021

HÌNH 2: KHUNG I/O LIÊN QUỐC GIA

VN	Tiêu dùng trung gian				Sử dụng cuối cùng (C, I, E)				Gross Output	
	EU	CN	US	VN	EU	CN	US			
Chi phí trung gian	VN	X _v v	X _v e	X _v c	X _v u	Y _v v	Y _v e	Y _v c	Y _v u	X _v
	EU	X _e v	X _e e	X _e c	X _e u	Y _e v	Y _e e	Y _e c	Y _e u	X _e
	CN	X _c v	X _c e	X _c c	X _c u	Y _c v	Y _c e	Y _c c	Y _c u	X _c
	US	X _u v	X _u e	X _u c	X _u u	Y _u v	Y _u e	Y _u c	Y _u u	X _u
ROW	M ^p v	M ^p e	M ^p c	M ^p u	M ^p v	M ^p e	M ^p c	M ^p u		M
Giá trị tăng thêm	V _v	V _e	V _c	V _u						
Gross input	X _v	X _e	X _c	X _u						

Nguồn: Mô hình Chenery-Moses

nhập nguyên liệu làm đầu vào. Nghiên cứu cố gắng tìm, định lượng bằng chứng cho vấn đề này và đưa ra một số khuyến nghị với mong muốn cấu trúc nền kinh tế nước ta sẽ hài hòa và bền vững hơn.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Bảng I/O liên quốc gia là sự liên kết các bảng I/O của các quốc gia thông qua giao dịch thương mại/đầu tư lẫn nhau, giúp các nhà hoạch định chính sách thấy được sự ảnh hưởng lẫn nhau trong giao dịch thương mại/đầu tư. I/O liên quốc gia đo lường sự biến động về sản xuất hoặc tiêu dùng của quốc gia này đối với sản xuất và thu nhập của quốc gia khác. Những ảnh hưởng về sản xuất của một quốc gia bao gồm:

Ảnh hưởng số nhân (Multiplier effects): Là ảnh hưởng trực tiếp và ảnh hưởng gián tiếp gây nên bởi nhu cầu cuối cùng các sản phẩm được sản xuất tại quốc gia đó;

Ảnh hưởng ngược liên quốc gia (inter - national feedback effects): Là ảnh hưởng về sản xuất của quốc gia A tạo nên bởi quốc gia B trong quá trình sản xuất, sử dụng sản phẩm của quốc gia A.

Ảnh hưởng tràn (Spillover effects): Là nhu cầu về nhập khẩu của quốc gia A về sản phẩm của quốc gia B thay đổi, gây nên bởi nhu cầu cuối cùng của quốc gia A khi sử dụng sản phẩm của mình. Điều này có nghĩa là, nhu cầu cuối cùng sản phẩm được sản xuất trong nước cũng kích thích hay kìm hãm sản xuất của nước khác có giao dịch ngoại thương.

Bảng I/O liên quốc gia có cấu trúc giống như bảng I/O liên vùng, nhưng trong khi bảng I/O liên vùng trong một quốc gia miêu tả luồng nội thương với vùng khác thì bảng I/O liên quốc gia mô tả luồng ngoại thương giữa một quốc gia với quốc gia khác. Hệ thống I/O của Leontief đã được phát triển thành mô hình I/O liên vùng (hoặc liên quốc gia) bởi Isard (1951); ý tưởng về mô hình I/O liên khu vực đã được phát triển bởi Richardson (1972) và Miyazawa (1976). Mô hình I/O liên khu vực không chỉ mô tả mối quan hệ liên ngành, mà còn mô tả mối quan hệ liên vùng thông qua các luồng thương mại giữa vùng này với vùng khác (bên ngoài). Mô hình liên khu vực được hoàn thiện bởi Chenery-Moses (còn được gọi là mô hình Chenery-Moses) và Miller-Blair (1985).

Mô hình I/O liên quốc gia của Việt Nam và Thái Lan đã được nghiên cứu trước đây bởi Kim. K/M và

cộng sự (2011) và trình bày tại hội thảo của Hiệp hội I/O quốc tế (IIOA).

Mô hình liên quốc gia được ước lượng cho năm 2015 dựa vào những nguồn thông tin sau:

+ Bảng I/O 2015 của Việt Nam dựa vào bảng I/O 2012 và số liệu cập nhật từ điều tra doanh nghiệp hàng năm để ước lượng tỷ lệ chi phí trung gian so với giá trị sản xuất. Các số liệu về tiêu dùng cuối cùng, tích lũy tài sản và xuất nhập khẩu dựa vào báo cáo thống kê sẵn có.

+ Bảng I/O 2015 của Hoa Kỳ được công bố trên website của cơ quan thống kê Hoa Kỳ (<https://www.bea.gov/industry/input-output-accounts-data>).

+ Số liệu về bảng I/O liên quốc gia của OECD.

Trong bài viết này, nghiên cứu của tác giả dựa vào dự án lập và phân tích I/O liên quốc gia giữa Việt Nam - Trung Quốc và Việt Nam - Hoa Kỳ của Viện Nghiên cứu phát triển Việt Nam (Videri) thực hiện năm 2020.

Phương pháp nghiên cứu

Khung I/O liên quốc gia được mô tả như Hình 2.

Trong đó:

X_vv là ma trận chi phí trung gian của Việt Nam sử dụng sản phẩm Việt Nam;

X_ve là ma trận chi phí trung gian của EU sử dụng sản phẩm Việt Nam;

X_vc là ma trận chi phí trung gian của Trung Quốc sử dụng sản phẩm Việt Nam;

X_vu là ma trận chi phí trung gian của Hoa Kỳ sử dụng sản phẩm Việt Nam;

X_ev là ma trận chi phí trung gian của Việt Nam sử dụng sản phẩm EU;

X_ee là ma trận chi phí trung gian của EU sử dụng sản phẩm EU;

X_ec là ma trận chi phí trung gian của Trung Quốc sử dụng sản phẩm EU;

X_eu là ma trận chi phí trung gian của Hoa Kỳ sử dụng sản phẩm EU;

X_cv là ma trận chi phí trung gian của Việt Nam sử dụng sản phẩm Trung Quốc;

X_ce là ma trận chi phí trung gian của EU sử dụng sản phẩm Trung Quốc;

X_cc là ma trận chi phí trung gian của Trung Quốc sử dụng sản phẩm Trung Quốc;

X_cc là ma trận chi phí trung gian của Trung Quốc sử dụng sản phẩm Trung Quốc;

X_uv là ma trận chi phí trung gian của Việt Nam sử dụng sản phẩm Hoa Kỳ;

X_ue là ma trận chi phí trung gian của EU sử dụng sản phẩm Hoa Kỳ;

X_uc là ma trận chi phí trung gian của Trung Quốc sử dụng sản phẩm Hoa Kỳ;

Xuv là ma trận chi phí trung gian của Hoa Kỳ sử dụng sản phẩm Hoa Kỳ;

Mpv là sản phẩm nhập khẩu của những nước còn lại cho chi phí trung gian của Việt Nam;

Mpc là sản phẩm nhập khẩu của những nước còn lại cho chi phí trung gian của EU;

Mpc là sản phẩm nhập khẩu của những nước còn lại cho chi phí trung gian của Trung Quốc;

Mpu là sản phẩm nhập khẩu của những nước còn lại cho chi phí trung gian của Hoa Kỳ;

Yij bao gồm tiêu dùng cuối cùng, đầu tư/tích lũy và xuất khẩu của nước j sử dụng sản phẩm của nước i;

Yvv + Yve + Yvc + Yvu là sản phẩm cuối cùng của Việt Nam (Final products) được các nước EU, Trung Quốc và Hoa Kỳ sử dụng cho nhu cầu cuối cùng;

Yvv + Yev + Ycv + Yuv + Myv là nhu cầu cuối cùng của Việt Nam (Final demand) đối với các sản phẩm cuối cùng của EU, Trung Quốc, Hoa Kỳ và phần còn lại của thế giới.

Tương tự đối với EU, Trung Quốc và Hoa Kỳ thì:

Mpv là nhập khẩu của phần còn lại của thế giới cho chi phí trung gian của Việt Nam;

Meu là nhập khẩu của phần còn lại của thế giới cho chi phí trung gian của EU;

Mcv là nhập khẩu của phần còn lại của thế giới cho chi phí trung gian của Trung Quốc;

Muv là nhập khẩu của phần còn lại của thế giới cho chi phí trung gian của Hoa Kỳ;

Vv là giá trị tăng thêm của Việt Nam;

Ve là giá trị tăng thêm của EU;

Vc là giá trị tăng thêm của Trung Quốc;

Vu là giá trị tăng thêm của Hoa Kỳ;

Xv là giá trị sản xuất của Việt Nam;

Xe là giá trị sản xuất của EU;

Xc là giá trị sản xuất của Trung Quốc;

Xu là giá trị sản xuất của Hoa Kỳ.

Các quan hệ trong phân tích liên quốc gia

Đặt $A_{ij} = X_{ij}/X_j$;

Với i, j là các quốc gia trong mô hình. Ma trận hệ số trung gian của mô hình liên quốc gia (A) được biểu diễn như sau:

$$A = \begin{bmatrix} Avv & Ave & Avc & Avu \\ Aev & Aee & Aec & Aeu \\ Acv & Ace & Acc & Acu \\ Auv & Aue & Auc & Auu \end{bmatrix}$$

Cầu cuối cùng:

$$Y = \begin{bmatrix} Yvv & Yve & Yvc & Yvu \\ Yev & Yee & Yec & Yeu \\ Ycv & Yce & Ycc & Ycu \\ Yuv & Yue & Yuc & Yuu \end{bmatrix}$$

Và giá trị sản xuất là:

$$X = \begin{bmatrix} Xv \\ Xe \\ Xc \\ Xu \end{bmatrix}$$

Đặt: $B = (I - A)^{-1}$

Quan hệ Leontief được viết gọn:

$$X = B \cdot Y \quad (1)$$

Ma trận nghịch đảo Leontief trong mô hình liên quốc gia có dạng:

$$B = \begin{bmatrix} Bvv & Bve & Bvc & Bvu \\ Bev & Bee & Bec & Beu \\ Bcv & Bce & Bcc & Bcu \\ Buv & Bue & Buc & Buu \end{bmatrix}$$

$\sum_{ij} B_{ij}$ là liên kết ngược của mô hình

$$P_j = (n \cdot k \cdot \sum_{ij} B_{ij}) / \sum_{ij} B_{ij}$$

Với n là số ngành và k là số nước; P_j là chỉ số lan tỏa của từng nước. P_j có thể được phân tách bao gồm:

Ảnh hưởng trực tiếp: A_{ii}

Ảnh hưởng số nhân: $(I - A_{ii})^{-1}$

Ảnh hưởng gián tiếp: $(I - A_{ii})^{-1} - A_{ii}$

Ảnh hưởng lan tỏa: $B_{ii} - (I - A_{ii})^{-1}$

Ảnh hưởng tràn: $\sum_j B_{ij}$ với $i \neq j$

Ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp và số nhân là giá trị sản xuất được tạo ra của quốc gia i bởi một đơn vị tăng lên của nhu cầu cuối cùng của quốc gia i;

Ảnh hưởng lan tỏa là giá trị sản xuất của quốc gia i được tạo ra bởi sản xuất của các quốc gia khác khi sử dụng đầu vào là sản phẩm của quốc gia i;

Ảnh hưởng tràn là ảnh hưởng khi nhu cầu cuối cùng của quốc gia i thay đổi lan tỏa đến giá trị sản xuất của quốc gia khác ($j \neq i$);

Từ những ảnh hưởng đến giá trị sản xuất có thể nghiên cứu ảnh hưởng đến giá trị tăng thêm của từng quốc gia. Gọi V_i là giá trị tăng thêm của quốc gia i, ta có:

$$V_i = \mu_i \cdot (I - A)^{-1} \quad (2)$$

Ở đây: $\mu_i = V_i/X_i$;

Từ đó, giá trị tăng thêm của mỗi quốc gia được phân ra thành:

Giá trị tăng thêm của quốc gia i được tạo bởi sản phẩm cuối cùng của quốc gia đó: $\mu_i \cdot (I - A_{ii})^{-1}$

Giá trị tăng thêm của quốc gia i được lan tỏa bởi sản xuất của các quốc gia khác được khảo sát trong mô hình khi sử dụng sản phẩm của quốc gia i làm đầu vào: $\mu_i \cdot (B_{ii} - (I - A_{ii})^{-1})$

Sản phẩm cuối cùng của một quốc gia (i) không chỉ lan tỏa đến giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của nước đó, mà còn lan tỏa đến giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các nước khác.

Lan tỏa đến giá trị tăng thêm của EU

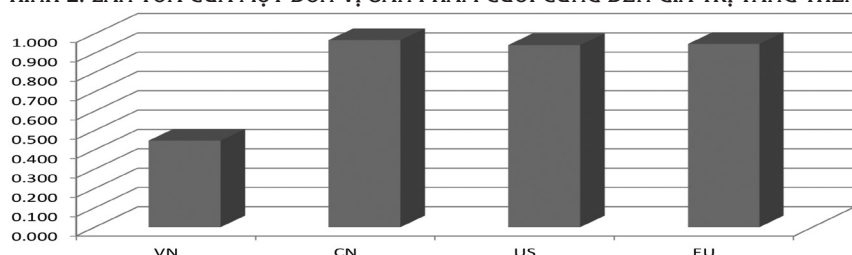
$$\mu_i Bev$$

BẢNG 1: SO SÁNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HÌNH THỨC CỦA CẤU TRÚC KINH TẾ GIỮA VIỆT NAM (VN), TRUNG QUỐC (CN); HOA KỲ (US) VÀ EU

	VN	CN	US	EU
Chi phí trung gian/Giá trị sản xuất	0,712	0,673	0,442	0,540
Giá trị gia tăng/Giá trị sản xuất	0,288	0,327	0,558	0,460
Tỷ lệ nhập khẩu trong chi phí trung gian	0,850	0,076	0,200	0,180
Tỷ lệ sử dụng sản phẩm của nhau trong chi phí trung gian	0,162	0,061	0,120	0,132

Nguồn: Tính toán từ bảng I/O liên quốc gia giữa Việt Nam-Trung Quốc, Hoa Kỳ và EU dựa trên số liệu của OECD <https://www.oecd.org/sti/ind/inter-country-input-output-tables.htm>

HÌNH 2: LAN TỎA CỦA MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM CUỐI CÙNG ĐẾN GIÁ TRỊ TĂNG THÊM



BẢNG 2: PHẦN TRĂM LAN TỎA TỪ SẢN PHẨM CUỐI CÙNG ĐẾN SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ TĂNG THÊM

	VN	CN	US	EU
Giá trị sản xuất				
VN	75,39	0,06	0,03	0,03
CN	22,83	93,50	7,63	9,02
US	1,07	4,02	88,64	4,83
EU	0,71	2,42	3,70	86,11
Giá trị tăng thêm				
VN	72,16	0,05	0,01	0,02
CN	24,77	90,06	4,65	6,51
US	1,98	6,61	92,17	5,96
EU	1,08	3,28	3,17	87,51

Đơn vị: %

Ghi chú: Trên đường chéo thể hiện sự lan tỏa về sản lượng và giá trị tăng thêm đến nội tại nước đó khi tăng một đơn vị sản phẩm cuối cùng

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Lan tỏa đến giá trị gia tăng của Trung Quốc

$\mu_i B_{ev}$

Lan tỏa đến giá trị gia tăng của Hoa Kỳ

$\mu_i B_{uv}$

Quan hệ (1) được viết tường minh:

$$X = \begin{bmatrix} X_v \\ X_e \\ X_c \\ X_u \end{bmatrix} = \begin{bmatrix} B_{vv} & B_{ve} & B_{vc} & B_{vu} \\ B_{ev} & B_{ee} & B_{ec} & B_{eu} \\ B_{cv} & B_{ce} & B_{cc} & B_{cu} \\ B_{uv} & B_{ue} & B_{uc} & B_{uu} \end{bmatrix} \times \begin{bmatrix} Y_{vv} & Y_{ve} & Y_{vc} & Y_{vu} \\ Y_{ev} & Y_{ee} & Y_{ec} & Y_{eu} \\ Y_{cv} & Y_{ce} & Y_{cc} & Y_{cu} \\ Y_{uv} & Y_{ue} & Y_{uc} & Y_{uu} \end{bmatrix} \quad (3)$$

Triển khai quan hệ trên:

$$\begin{aligned} X_v &= (B_{vv}.Y_{vv} + B_{ve}.Y_{ev} + B_{vc}.Y_{cv} + B_{vu}.Y_{uv}) \\ &+ (B_{vv}.Y_{ve} + B_{ve}.Y_{ee} + B_{vc}.Y_{ce} + B_{vu}.Y_{ue}) + (B_{vv}.Y_{vc} + B_{ve}.Y_{ec} + B_{vc}.Y_{cc} + B_{vu}.Y_{cu}) + (B_{vv}.Y_{vu} + B_{ve}.Y_{eu} + B_{vc}.Y_{cu} + B_{vu}.Y_{uu}) \\ &= B_{vv}.(Y_{vv} + Y_{ve} + Y_{vc} + Y_{vu}) + B_{ve}.(Y_{ev} + Y_{ee} + Y_{ec} + Y_{eu}) \\ &+ B_{vc}.(Y_{cv} + Y_{ce} + Y_{cc} + Y_{cu}) + B_{vu}.(Y_{uv} + Y_{ue} + Y_{uc} + Y_{uu}) \\ &= X_{vv} + X_{ve} + X_{vc} + X_{vu} \end{aligned}$$

X_e, X_c và X_u được xác định tương tự

$(Y_{vv} + Y_{ve} + Y_{vc} + Y_{vu})$ là sản phẩm cuối cùng của Việt Nam;

$(Y_{ev} + Y_{ee} + Y_{ec} + Y_{eu})$ là sản phẩm cuối cùng của EU;

$(Y_{cv} + Y_{ce} + Y_{cc} + Y_{cu})$ là sản phẩm cuối cùng của Trung Quốc;

$(Y_{uv} + Y_{ue} + Y_{uc} + Y_{uu})$ là sản phẩm cuối cùng của Hoa Kỳ.

Như vậy có thể thấy, giá trị sản xuất của Việt Nam không chỉ được tạo ra bởi sản phẩm cuối cùng của Việt Nam, mà còn được tạo ra bởi sản phẩm cuối cùng của các nước khác. Cùng với đó, sản phẩm cuối cùng của EU $(Y_{ev} + Y_{ee} + Y_{ec} + Y_{eu})$ được các nước khảo sát trong mô hình sử dụng cho nhu cầu cuối cùng, từ đó kích thích sản lượng của EU và lan tỏa đến sản lượng của Việt Nam thông qua sử dụng đầu vào là sản phẩm của Việt Nam. Điều này xảy ra tương tự với Trung Quốc và Hoa Kỳ.

Diễn biến này diễn ra tương tự với các nước khác. Từ đó có thể thấy, việc xuất khẩu sản phẩm gì mới quan trọng và đáng được coi là thành tích, bởi nếu chỉ xuất khẩu sản phẩm gia công của nước khác thì ý nghĩa của việc xuất khẩu là rất thấp.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1 cho thấy, Hoa Kỳ có tỷ lệ chi phí trung gian so với giá trị sản xuất thấp nhất trong 4 quốc gia khảo sát trong mô hình. Việt Nam là nước có tỷ lệ chi phí trung gian so với giá trị sản xuất cao nhất.

Kết quả tính toán qua mô hình cho thấy, lan tỏa từ sản phẩm cuối cùng của Việt Nam đến giá trị tăng thêm là rất thấp, chỉ bằng gần một nửa mức lan tỏa cầu cuối cùng của Trung Quốc, Hoa Kỳ và EU (một đơn vị sản phẩm cuối cùng sử dụng cho nhu cầu trong nước lan tỏa đến giá trị tăng thêm của Việt Nam là 0,45 đơn vị, trong khi của Trung Quốc là 0,97, Hoa Kỳ là 0,94 và EU là 0,95) (Hình 2).

Bảng 2 cho thấy ảnh hưởng của sản phẩm cuối cùng lan tỏa đến sản lượng của Việt Nam thấp nhất trong 4 quốc gia được nghiên cứu.

Bảng 3 cho thấy, cầu cuối cùng của Việt Nam lan tỏa đến sản lượng khá mạnh chỉ sau Trung Quốc, nhưng lại kích thích sản lượng của Trung Quốc, chiếm gần 68% trong tổng sản lượng cho nhu cầu cuối cùng, trong khi chỉ kích thích sản lượng trong nước của Việt Nam 24,6%. Trong khi đó cầu cuối cùng của Trung Quốc kích thích sản lượng trong nước rất mạnh, nhu cầu cuối cùng cũng kích thích

sản xuất Hoa Kỳ và EU tương đối tốt. Cầu cuối cùng của Trung Quốc, Hoa Kỳ và EU kích thích lẫn nhau một cách tương đối ngang bằng.

KẾT LUẬN

Việt Nam trong nhiều năm qua tập trung phát triển kinh tế, đạt tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) ở mức cao và thặng dư thương mại, nhưng thiếu đi những giải pháp hiệu quả để cân bằng trong phát triển các cấu trúc kinh tế. Ở đây, việc so sánh cấu trúc kinh tế giữa Việt Nam với Trung Quốc, Hoa Kỳ và EU có phần khập khiễng, nhưng khi đặt các dữ liệu cạnh nhau cho thấy, cấu trúc kinh tế của Việt Nam còn lạc hậu, giá trị gia tăng thấp, cần cải thiện nhiều.

Nước ta nhiều năm nay kêu gọi phát triển sản xuất các sản phẩm phụ trợ, nhưng thực tế chưa tạo được một nền

**BẢNG 3: LAN TỎA TỪ CẦU CUỐI CÙNG ĐẾN SẢN LƯỢNG
(OUTPUT WAS INDUCED BY FINAL DEMAND - %)**

	Yv	Yc	Yu	Ye
VN	24,579	0,276	0,706	0,502
CN	67,969	65,257	9,304	15,574
US	4,331	20,510	56,180	26,011
EU	3,121	13,957	33,809	57,913
Output requirement (lần)	2,169	2,431	1,871	2,033

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

sản xuất mạnh. Nhiều sản phẩm thực chất chỉ làm gia công, lắp ráp cho nhu cầu xuất khẩu hàng hóa của các hãng sản xuất toàn cầu. Để nền kinh tế xây dựng được giá trị cốt lõi với những nền sản xuất mạnh, tạo nên giá trị gia tăng lớn hơn, theo nhóm tác giả, các nhà hoạch định chính sách phát triển trung và dài hạn cần nhìn nhận thực chất nền kinh tế một cách minh bạch và chấp nhận sự thật để thay đổi. Nếu không nhận diện rõ nét, không bắt đầu thay đổi, hoặc chỉ bắt đầu bằng những lời nói và khẩu hiệu thì thật khó đạt kết quả tốt hơn. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quang Thái, Bùi Trinh, Nguyễn Việt Phong (2021). So sánh cấu trúc kinh tế của Việt Nam, Hoa Kỳ và Trung Quốc, *Thông tin khoa học Thống kê*, 1(1)
2. Los, B., and Timmer, M. (2018). *Measuring Bilateral Exports of Value Added: A Unified Framework*, retrieved from <https://www.nber.org/papers/w24896>
3. Bems, Rudolfs, Robert C. Johnson and Kei-Mu Yi (2011). Vertical Linkages and the Collapse of Global Trade, *American Economic Review (Papers and Proceedings)*, 101(3), 308-312
4. Bems, Rudolfs, Robert C. Johnson and Kei-Mu Yi (2013). The Great Trade Collapse, *Annual Review of Economics*, 5(1), 375-400
5. GSO (2018). *Statistic year book*, Statistics Publishing House
6. Isard, W. (1951). Interregional and regional input-output analysis: A model of a space-economy, *Review of Economics and Statistics*, 33 (4), 318-328. <https://doi.org/10.2307/1926459>
7. K. M Kim, Francisco Secretario, Bui Trinh, Hidefumi Kaneko (2011). *Developing a Bilateral Input-Output Table in the Case of Thailand and Vietnam: Methodology and Applications*, WP, 19th International Input-Output Conference
8. Lahr, M.L., de Mesnard, L., (2004). Bi-proportional techniques in input-output analysis: table updating and structural analysis, *Econ. Syst. Res*, 16, 115-134
9. Miller, R.E., Blair, P.D., (2009). *Input-Output Analysis Foundations and Extensions, Second ed*, Cambridge University Press, New York
10. Miyazawa, K. (1976). *Input-Output Analysis and the Structure of Income Distribution*, Lecture Notes in Economics and Mathematical Systems, Berlin: Springer-Verlag
11. Noguera, Guillermo (2012). *Trade Costs and Gravity for Gross and Value Added Trade*, University of California at Berkeley and Columbia University, mimeo
12. Quang Thai NGUYEN , Trinh Bui, Thang Loi NGO , Manh Dung TRAN (2020). Analysis of Bilateral Input-Output Trading between Vietnam and China, *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 7(6), 157-172
13. Richardson, H. W. (1979). *Regional Economic*, Urbana, University of Illinois Press
14. Trinh, Bui, Phong, N.V (2013). A Short Note on RAS Method, *Advances in Management & Applied Economics*, 3 (4), 133-137
15. Trinh. Bui, Phong, N.V, Quoc, Bui, (2018). The RAS Method with Random Fixed Points, *Journal of Economics and Business*, 1(4), 640-646
16. <https://www.oecd.org/sti/ind/inter-country-input-output-tables.htm>
17. <https://www.bea.gov/industry/input-output-accounts-data>